TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN C** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 04/01/2018
V/v Ly hôn giữa
Chị D và anh T

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C - TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà **Võ Thị Thanh Nhung**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Huỳnh Kim Sơn**

2. Ông **Nguyễn Văn Hải**

- ***Thư ký phiên tòa*:** Bà **Võ Thị Lệ Trinh** là Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Long An.

Ngày 04 tháng 01 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 474/2017/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 11 năm 2017 về Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 144/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 12 năm 2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Trần Thị Mỹ D**, sinh năm: 1988. Đăng ký hộ khẩu: Ấp V, xã T, huyện A, tỉnh Long An. Chổ ở: Ấp Q, xã T, huyện C, tỉnh Long An (có mặt).

2. Bị đơn: Anh **Nguyễn Ngọc T**, sinh năm: 1985. Địa chỉ: Ấp Q, xã T, huyện C, tỉnh Long An (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện đề ngày 31/10/2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Trần Thị Mỹ D trình bày: Chị và anh Nguyễn Ngọc T cưới nhau vào năm 2005, hôn nhân tự nguyện và đăng ký kết hôn vào ngày 30/5/2007 tại UBND xã T, huyện C. Sau khi cưới, chị sống bên gia đình chồng, theo chị vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian đầu sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau và chị đã nhiều lần tự tử. Vợ chồng đã sống ly thân tháng 7/2017 cho đến nay. Thời gian sống ly thân, chị và anh T không gặp nhau để hàn gắn tình cảm. Nay xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không thể tiếp tục chung sống nên chị yêu cầu được ly hôn với anh T.

Về nuôi con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Thị Kim A, sinh ngày 27/01/2007 và Nguyễn Thị Kim B, sinh ngày 02/3/2010, hiện cả hai con đang sống với anh T. Khi ly hôn, chị D đồng ý để anh T được tiếp tục nuôi hai con và chị D không cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản: Không có.

Về nợ: Không có.

Tại phiên tòa, bị đơn anh Nguyễn Ngọc T trình bày: Anh thống nhất với trình bày của chị Trần Thị Mỹ D về thời gian tổ chức lễ cưới, đăng ký kết hôn. Theo anh thời gian vợ chồng chung sống vẫn hạnh phúc, không có gì mâu thuẫn trầm trọng. Qúa trình chung sống anh và chị D cũng có phát sinh mâu thuẫn, cãi vã nhau, chị D bỏ về nhà cha mẹ ruột ở khoảng 2-3 lần nhưng anh đều rước chị D về. Cách nay khoảng 03 tháng chị D tiếp tục về nhà cha mẹ ruột ở nhưng anh không rước vì chị D nộp đơn ly hôn, từ khi ly thân anh có thiện chí hàn gắn nhưng chị D không đồng ý. Hiện tại anh còn thương vợ và con nên anh không đồng ý ly hôn.

Về nuôi con chung: Có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Kim A, sinh ngày 27/01/2007 và Nguyễn Thị Kim B, sinh ngày 02/3/2010, hiện hai con đang sống với anh. Nếu Tòa án chấp nhận cho anh và chị D ly hôn thì anh yêu cầu được tiếp tục nuôi cả hai con, anh không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản: Không có.

Về nợ: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

Chị Trần Thị Mỹ D có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Ngọc T. Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Long An.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Trần Thị Mỹ D và anh Nguyễn Ngọc T cưới nhau vào năm 2005 và có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp.

Theo chị D nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cãi vã nhau, chị đã nhiều lần tự tử. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 7/2017 cho đến nay nhưng chị và anh T không gặp nhau để hàn gắn tình cảm. Anh T cho rằng giữa vợ chồng không có gì mâu thuẫn trầm trọng, anh có quan tâm chăm sóc cho gia đình, khi cãi vã nhau thì chị D bỏ về nhà cha mẹ ruột ở khoảng 2-3 lần nhưng anh đều rước chị D về. Hiện tại

anh T còn thương vợ và con nên yêu cầu được đoàn tụ nhưng anh T không đưa ra biện pháp để vợ chồng hàn gắn với nhau. Mặt khác chị D cương quyết ly hôn vì cho rằng mâu thuẫn giữa vợ chồng không thể hàn gắn được.

Hội đồng xét xử xét thấy: Xét mục đích hôn nhân giữa chị D và anh T không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị D.

[2.2] Về nuôi con chung: Chị D và anh T có hai con chung là Nguyễn Thị Kim A, sinh ngày 27/01/2007 và Nguyễn Thị Kim B, sinh ngày 02/3/2010, hiện hai con đang sống với anh T. Khi ly hôn, anh T yêu cầu được nuôi con, chị D đồng ý để anh T được tiếp tục nuôi hai con chung, đều này cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu A và cháu B. Do đó, để đảm bảo sự phát triển ổn định, bình thường của cháu A và cháu B nên Hội đồng xét xử quyết định cho anh T được tiếp tục hai nuôi con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.3] Về chia tài sản: Chị D và anh T đều xác định không có tài sản chung nên không đề cập.

[2.4] Về nợ: Chị D và anh T đều xác định không có nợ chung nên không đề cập.

[2.5] Về án phí: Chị D phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[2.6] Về quyền kháng cáo: Chị D và anh T được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1.Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Trần Thị Mỹ D và anh Nguyễn Ngọc T.

2. Về nuôi con chung: Anh Nguyễn Ngọc T được tiếp tục nuôi con chung là Nguyễn Thị Kim A, sinh ngày 27/01/2007 và Nguyễn Thị Kim B, sinh ngày 02/3/2010. Chị Trần Thị Mỹ D không phải cấp dưỡng nuôi con.

Bên không nuôi con được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con chung, theo yêu cầu của một

hoặc cả hai bên đương sự, Toà án có thể thay đổi người nuôi dưỡng cũng như mức cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó.

3. Về án phí: Chị Trần Thị Mỹ D phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0000465 ngày 07/11/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C. Chị Trần Thị Mỹ D đã nộp đủ.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

* Nơi nhận:
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Đương sự;
- Lưu./.

Võ Thị Thanh Nhung